

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 161/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 26 – 3 – 2024

V/v Ly hôn giữa
chị D và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Tác
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:**

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2023/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1987, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số C, tổ F, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 082. 772. 28. 39

2. *Bị đơn:* anh Ngô Đặng Xuân N, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc D trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: thông qua mai mối, năm 2013 chị và anh Ngô Đặng

Xuân N đồng ý kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2013 ngày 23/7/2013. Sau khi kết hôn chị và anh N sống tại nhà cha mẹ anh N được một tháng là tháng 8/2013 thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp nhau và thường cãi vã, tháng 10/2013 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và anh chị ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân hai bên không gặp nhau hàn gắn. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh N.

- Về nuôi con chung: không có
- Chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023 chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Ngô Đăng Xuân N (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của anh N.

- Tại Bản ý kiến ngày 06 tháng 10 năm 2023 của anh Trần Văn P (anh ruột chị D) cho biết, chị D và anh N kết hôn tháng 7/2013, tháng 8/2013 phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10/2013 chị D về nhà cha mẹ ruột ở và anh chị ly thân đến nay. Đề nghị Tòa án cho chị D ly hôn anh N.

- Tại Biên bản xác minh ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án được ban ấp P, xã P cho biết chị D và anh N đã ly thân nhiều năm nay, không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc D đối với anh Ngô Đăng Xuân N theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Đăng Xuân N, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh N.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị D và N là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, theo chị D

khai vợ chồng mâu thuẫn do không phù hợp nhau về cách sống và thường xuyên cãi vã, vợ chồng có thời gian dài ly thân từ tháng 10 năm 2013 đến nay không hàn gắn, chính quyền địa phương cho biết anh chị có mâu thuẫn và ly thân, người thân của chị D đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn, từ lúc chị D khởi kiện ly hôn đến nay anh N cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho ly hôn giữa chị D và anh N.

[2.2] Về nuôi con chung: không có, không đề cập.

[2.] Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị D và anh N trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc D và anh Ngô Đăng Xuân N.

2. Nuôi con chung: không có.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị Trần Thị Ngọc D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Trần Thị Ngọc D và anh Ngô Đăng Xuân N trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006549 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã Phú Long,
H.P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương